

Số: 25/KH-MNTH

Tân Hiệp, ngày 20 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện các khoản thu – chi hỗ trợ dịch vụ phục vụ hoạt động học sinh trong năm học 2024-2025

Căn cứ Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 9 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND tỉnh Bình Dương ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị Quyết Số 12 /2024/NQ-HĐND Bình Dương, ngày 23 tháng 8 năm 2024 Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 2235/SGDDT- KHTC ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Thực hiện Công văn số 2603/SGDDT -KHTC ngày 18/9/2024 của Sở GDĐT Bình Dương Về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Căn cứ buổi họp phụ huynh học sinh đầu năm học 2024-2025 ngày 20/9/2024. Nay Trường Mầm non Tân Hiệp lập Kế hoạch xây dựng dự toán thu, chi các khoản hỗ trợ dịch vụ, phục vụ học sinh năm học 2024-2025 trình Hội đồng nhân xã giám sát và trình HĐND, UBND huyện phê duyệt.

Số học sinh: 234/122 nữ

Số lớp: 9 lớp

Số CBGVNV: 35 (Hành chính: 09; Giáo viên giảng dạy: 20, cấp dưỡng: 6)

I. Về thu và sử dụng học phí

1. Mức thu học phí



Năm học 2024-2025 nhà trường áp dụng mức thu học phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 12/NQ-HĐND.

2. Về thu quản lý và sử dụng học phí

Trường thực hiện thu, quản lý và sử dụng học phí theo quy định tại Điều 12,13 Chương III Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

II. Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

1. Đối tượng miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định Điều 14,15,16 và Điều 18 Mục 1 Chương IV Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

2. Quy trình thủ tục miễn, giảm học phí và tri trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Điều 19,20,21 và Điều 22 Mục 2 Chương IV Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

III. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ cho cá nhân học sinh năm học 2024-2025 trên tinh thần tự nguyện của Cha mẹ trẻ.

1. Tiền ăn của học sinh ở các lớp bán trú (Tiền suất ăn sáng, ăn trưa, ăn xế, ăn chiều trong 1 ngày của học sinh) 34.000.000 đồng/ ngày

2. Tiền học phẩm.

STT	Nhà trẻ	Mầm	Chồi	Lá	Ghi chú
Số tiền	34.000	56.000	60.000	104.000	

3. Tiền làm quen với ngoại ngữ cho trẻ mầm non. 195.000 đồng/ tháng

III. Các khoản thu dịch vụ, phục vụ học sinh năm học 2024-2025:

1. Tiền phục vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh).

- Mức thu: 180.000 đồng/học sinh/tháng x 234 học sinh x 9 tháng = 379.080.000 đồng.

- Nội dung chi:

+ Chi 2% nộp thuế TNDN: 374.220.000 đồng x 2% = 7.581.600 đồng.

+ Chi 63% cho giáo viên trông giữ học sinh buổi trưa tại các lớp bán trú: 379.080.000 đồng x 63% = 238.820.400 đồng.

+ Chi 10% hỗ trợ cho cán bộ quản lý, nhân viên bảo vệ, phục vụ: 366.735.600 đồng x 10% = 37.908.000 đồng.

+ Chi 27 % phục vụ tiền điện, nước, tăng cường trang thiết bị và các nội dung khác phục vụ hoạt động học bán trú: 366.735.600 đồng x 27% = 102.351.600 đồng.

2. Tiền vệ sinh trường lớp:

- Mức thu: 11.000 đồng/học sinh/tháng x 234 học sinh x 9 tháng = 23.166.000 đồng.

- Nội dung chi:

+ Chi 2% nộp thuế TNDN: 22.869.000 đồng x 2% = 463.320 đồng

- Hỗ trợ đảm bảo kinh phí trong việc hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh của trường học.

3. Khoản thu phục vụ bữa ăn sáng cho trẻ mầm non (không bao gồm tiền ăn của học sinh).

- Mức thu: 150.000 đồng/học sinh/tháng x 234 học sinh x 9 tháng = 315.900.000 đồng.

- Nội dung chi:

+ Chi 2% nộp thuế TNDN: 315.900.000 đồng x 2% = 6.318.000 đồng.

+ Chi 19 % trả tiền công cho nhân viên cấp dưỡng: 315.900.000 đồng x 19% = 60.021.000 đồng.

+ Chi 47% trả tiền công cho giáo viên: 315.900.000 đồng x 47% = 148.473.000 đồng.

+ Chi 10% trả tiền công cho cán bộ quản lý, nhân viên bảo vệ, phục vụ: 315.900.000 đồng x 10% = 31.590.000 đồng.

+ Chi 23 % trả tiền điện, nước, vệ sinh và các nội dung khác phục vụ hoạt động này: 315.900.000 đồng x 23% = 72.657.000 đồng.

4. Chế độ miễn, giảm:

Miễn, giảm thu các khoản (Phục vụ bán trú, khoản thu vệ sinh trường lớp, khoản thu phục vụ bữa ăn sáng cho trẻ mầm non) theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND tỉnh Bình Dương ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương.



Trên đây là Kế hoạch thực hiện các khoản thu - chi hỗ trợ dịch vụ, phục vụ học sinh của Trường Mầm non Tân Hiệp. Kính trình Hội đồng nhân xã giám sát và trình HĐND, UBND huyện Phú Giáo thẩm định phê duyệt dự toán thu-chi trong năm học 2024-2025 ./.

Nơi nhận:

- HĐND; UBND (Th/dịnh);
- Phòng KHTC (huyện (Đ/bc));
- Phòng GD&ĐT (đ/bc);
- HDND xã (giám sát);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Mỹ